**Phân tích Tràng Giang Huy Cận – Mẫu 7**

Khác với hồn thơ sôi nổi, nhiệt huyết gắn với công cuộc đổi mới sau cách mạng tháng 8. Thơ Huy Cận những năm trước cách mạng lại mang nét u sầu, buồn bã trước thời cuộc. Chẳng thế mà "Tràng giang" ra đời lại khắc họa nét cô đơn của cá thể trước không gian bao la của thiên nhiên. Cùng với nét u buồn khắc khoải trước không gian mênh mông, bài thơ còn là nỗi nhớ quê hương, thương đất nước đang chìm trong tang thương của thi sĩ.

Bài thơ được sáng tác vào năm 1939 in lần đầu tiên trên báo "Ngày nay" sau đó in trong tập "Lửa thiêng" - tập thơ đầu tay của Huy Cận. Cũng chính tập thơ này đã đưa ông trở thành gương mặt tiêu biểu của phong trào "Thơ mới" thời kì đầu.

Ngay khi đọc tên bài thơ "Tràng giang" người ta có thể hình dung được tư tưởng và tâm tư mà tác giả gửi trong đó. Tiêu đề gợi ra một con sông dài, mênh mông, bát ngát. Tuy nhiên, ẩn sau hình ảnh sông dài còn là những mảnh đời bấp bênh, trôi nổi, u sầu. Câu đề từ "Bâng khuâng trời rộng nhớ sông dài" tiếp tục khẳng định nỗi niềm u uất, không biết tỏ cùng ai của nhân vật trữ tình trước không gian bao la của dòng sông.

Khổ đầu tiên đến với người đọc bằng hình ảnh con sông buồn, chất chứa những nỗi niềm khó tả

*"Sóng gợn tràng giang buồn điệp điệp  
Con thuyền xuôi mái nước song song  
Thuyền về nước lại sầu trăm ngả  
Củi một cành khô lạc mấy dòng."*

Vừa mới đọc khổ đầu tiên, người đọc thấy được không khí u sầu, buồn bã thông qua các từ "buồn", "sầu", "lạc cành khô". Câu thứ nhất miêu tả sóng, câu thứ hai tả những dòng trôi, những luồng nước trên mặt sông. Nếu như câu thứ nhất gợi được những vòng sóng đang loang ra, lan xa, xô đuổi nhau đến tận chân trời, thì câu thứ hai lại vẽ ra những luồng nước cứ song song, rong đuổi mãi về cuối trời. Trong câu thứ nhất "sóng gợn" là những vòng sóng nhỏ, lăn tăn. Nhưng chỉ cần một gợn sóng ấy thì Tràng giang đã "buồn điệp điệp". Từ láy hoàn toàn "điệp điệp" như diễn tả nỗi buồn chồng chất lên nhau, hết lớp này đến lớp khác. Hình ảnh con thuyền "xuôi mái nước song song" lại gợi về cảm giác đơn độc trên dòng nước mênh mông vô tận.

Hai câu thơ kết hợp làm cho không gian vừa mở ra theo bề rộng, vừa vươn theo chiều dài. Tác giả tiếp tục khắc họa nỗi chia li qua câu thơ thứ ba. "Thuyền" và "nước" vốn dĩ là hai hình ảnh gắn bó, khăng khít với nhau nhưng qua con mắt của nhân vật trữ tình thì lúc này hai hình ảnh ấy không còn song hành với nhau nữa. "Sầu trăm ngả", nỗi buồn, sự u hoài, buồn bã càng ngày càng dâng lên. Với câu thơ thứ tư tác giả sử dụng biện pháp đảo ngữ "củi một cành khô" để nói về sự cô đơn, trơ trọi của "củi". Số từ "một" chỉ một mình, cô đơn cùng với tính từ "khô" - hết nhựa sống, càng làm cho hình ảnh khô héo hơn. Tác giả thật tài tình khi đã sử dụng nghệ thuật đối "một" - "mấy" như nhấn mạnh hơn sự cô độc của củi trên dòng sông. "Lạc mấy dòng" không chỉ diễn tả nỗi niềm cô đơn của củi mà còn nói đến sự bấp bênh, trôi nổi khi "lạc" hết dòng sông này đến dòng sông khác. Nét độc đáo của câu thơ không chỉ là phép đối mà còn ở cách ngắt nhịp 1/3/3. Với cách ngắt nhịp ấy "củi" xuất hiện "độc lập" và điều đó càng làm rõ hơn tình cảnh lẻ loi của sự vật này. Có thể nói, hình ảnh " củi một cành khô" đã phần nào nói lên tâm trạng thi sĩ - một con người tài hoa nhưng vẫn đang loay hoay giữa cuộc sống bộn bề. Như vậy, chỉ với khổ thơ đầu tiên bức tranh thiên nhiên buồn, sầu thảm đã hiện rõ. Nét bút kết hợp giữa cổ điển và hiện đại cũng phần nào giúp người đọc rõ hơn về tâm trạng của thi sĩ.

Khổ thơ thứ hai tiếp tục là khung cảnh buồn nhưng mang nét đìu hiu, thiếu sức sống.

*"Lơ thơ cồn nhỏ gió đìu hiu  
Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều  
Nắng xuống, trời lên sâu chót vót  
Sông dài, trời rộng, bến cô liêu."*

Huy Cận thật khéo léo khi sử dụng hai từ láy trong cùng một câu thơ để miêu tả cảnh hoang vu, vắng vẻ hai bên bờ sông: "Lơ thơ" - thưa thớt, ít ỏi, " đìu hiu" - vắng lặng, ít người. Trên "cồn nhỏ" làn gió phảng phất không khí buồn, ảm đạm của chốn ít người, thiếu sức sống. Nó u sầu đến nỗi không nghe thấy tiếng ồn ào của phiên chợ chiều. "Đâu" diễn tả cảm giác mơ hồ, không xác định được điểm tựa để bám víu. Như vậy, chỉ qua vài nét chấm phá của nhà thơ đã hiện lên bức tranh quê thê lương, thiếu sức sống. Đến với hai câu thơ tiếp, dường như tác giả mở rộng tầm nhìn ra qua biện pháp đối "nắng xuống" - "trời lên" đã làm không gian mở rộng về chiều cao, có một khoảng không gian đang giãn nở ra ở giữa. Hai động từ ngược hướng "lên" và "xuống" mang lại cảm giác chuyển động. Nắng càng xuống thì bầu trời càng được kéo cao hơn. Và điểm nhấn chính là "sâu chót vót" - không gian mở rộng cả về chiều sâu. "Chót vót" vốn là từ láy độc quyền khi nhắc đến chiều cao. Còn đã nói tới sâu thì người ta hay dùng "sâu hun hút" hoặc " sâu thăm thẳm",...Chính cách dùng từ ngữ đặc sắc của Huy Cận đã gợi ra khoảng không vũ trụ sâu thăm thẳm, đó cũng là lúc nỗi buồn, cô đơn của nhà thơ dâng lên cao, trở nên vô cùng vô tận. Một góc nhìn đầy thú vị, mới mẻ. Câu thơ cuối cùng thi sĩ dùng không gian rộng để nói về nỗi cô đơn, vắng vẻ. "Bến cô liêu" - buồn, thưa thớt trơ trọi giữa không gian rộng lớn của sông, trời. Toàn cảnh khổ hai là một màu cô đơn, vắng vẻ, đối lập với hình ảnh cảnh vật thưa thớt là không gian mênh mông, nhấn mạnh hơn nỗi u sầu vạn cổ.

*"Bèo dạt về đâu hàng nối hàng  
Mênh mông không một chuyến đò ngang  
Không cầu gợi chút niềm thân mật  
Lặng lẽ bờ xanh tiếp bãi vàng."*

Hình ảnh trong khổ thơ thứ ba đã bước đầu có chuyển động với động từ "dạt", nhưng sự vật đi kèm với động từ này là "bèo". "Bèo" vốn là hình ảnh tượng trưng cho sự bấp bênh, chìm nổi, không có nơi ở ổn định. Đã thế cụm từ "hàng nối hàng" càng diễn tả sự vô định, chông chênh khi hàng này đến hàng khác "nối đuôi" nhau. Không gian đối lập với thực tại của cảnh vật. Tác giả mong ngóng có thể nhìn thấy chuyến đò để cảm nhận được sự sống. Nhưng đáp lại sự mong chờ ấy là "không một chuyến đò ngang". Ở khổ thơ này, thi sĩ sử dụng nhiều từ phủ định: "không đò" và giờ tiếp đến là "không cầu". Hình ảnh chiếc cầu gợi lên dáng vẻ miền quê, mang nỗi niềm "thân mật". Nhưng vì hình ảnh này không có nên thành ra cảm giác xa lạ, cô đơn được cảm nhận rõ. Với câu thơ cuối của khổ tác giả sử dụng nhiều màu sắc để chấm phá cho bức tranh. "Bờ xanh tiếp bãi vàng" - sắc tranh tươi sáng, nổi bật nhưng đi kèm với từ láy "lặng lẽ" làm chìm màu sắc này xuống. Giờ đây hai hình ảnh này không còn được tươi tắn như màu sắc ban đầu của nó. Từ láy này cũng làm cho không khí đìu hiu "lây lan" từ vật này sang vật khác. Tất cả sự vật đều nhấn chìm trong cô độc.

Nếu như ba khổ thơ đầu tiên là bức tranh thiên nhiên buồn, vắng lặng thì khổ thơ cuối cùng chính là tâm tư, tấm lòng của thi sĩ

*"Lớp lớp mây cao đùn núi bạc  
Chim nghiêng cánh nhỏ bóng chiều sa  
Lòng quê dợn dợn vời con nước  
Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà."*

Xuyên suốt bài thơ tác giả liên tục sử dụng thủ pháp nghệ thuật là từ láy. "Lớp lớp" - chồng chất lên nhau, "đùn" là đè lên làm cho một vật gì đó hạ thấp xuống. Như vậy, với câu thơ đầu khổ bốn tác giả lại vẽ tiếp bức tranh quê hương với hình ảnh rộng lớn nhiều lớp mây đè lên núi bạc. Hình ảnh "chim nghiêng cánh nhỏ" gợi cảm giác nhỏ bé, bơ vơ. "Nghiêng" - không vững vàng. Hình ảnh này đối lập với vế ở sau "bóng chiều sa". Trên nền bóng chiều rộng lớn là hình ảnh cánh chim nhỏ lo âu, còn đang mơ hồ cho con đường tìm nơi trú của mình. Hình ảnh cánh chim này đã từng bắt gặp trong "Quyện điểu quy lân tầm túc thụ" (Mộ - Hồ Chí Minh), tạm dịch "Chim mỏi về rừng tìm chốn ngủ". Đến với câu thơ thứ ba tác giả đã nói lên nỗi lòng nhớ quê của mình. "Dợn dợn" là gợi lên, dấy lên, có nỗi niềm khó nói. Cứ mỗi khi nhìn thấy "con nước" là lòng yêu quê hương của tác giả lại dâng lên. Tuy nhiên, nét đặc sắc lại nằm ở câu thơ cuối cùng: "Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà". Hơn nghìn năm trước Thôi Hiệu cũng từng chạnh lòng nhớ quê mà thốt lên rằng:

*"Nhật mộ hương quan hà xứ thị  
Yên ba giang thượng sử nhân sầu."*

*(Quê hương khuất bóng hoàng hôn  
Trên sông khói sóng cho buồn lòng ai?)*

Nỗi buồn của hai thi sĩ có một số điểm khác nhau. Ở Thôi Hiệu do nhìn thấy khói sóng trên dòng sông nên buồn và nhớ về quê nhà, còn ở Huy Cận không nhìn thấy khói nhưng nỗi nhớ nhà vẫn dâng lên da diết. Nếu như Thôi Hiệu nhớ nhà là do đang xa xứ, đang ở xứ người còn nỗi nhớ của Huy Cận xuất phát từ một người đang đứng trên mảnh đất của mình nhưng bơ vơ, lạc lõng. Nỗi nhớ thương cũng xuất phát từ sự bất lực, ngán ngẩm của bản thân thi sĩ trước thời cuộc.

Đặc sắc nghệ thuật trong "Tràng giang" trước hết phải nói tới sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa yếu tố Cổ điển (thơ Đường thi) và yếu tố thơ mới. Trong bài thơ tác giả sử dụng nhiều từ Hán Việt như tràng giang, bến cô liêu,...cùng với đó là đề tài thiên nhiên cổ kính, hoang sơ, cái tôi bé nhỏ trước thiên nhiên mênh mông mang đậm yếu tố Đường thi. Yếu tố thơ mới được thể hiện thông qua cái tôi giàu cảm xúc, hình ảnh sinh động giàu sức gợi. Bên cạnh đó việc sử dụng các từ láy, phép đối cũng góp phần làm rõ hơn sự bé nhỏ của con người trước vũ trụ rộng lớn.

Với "Tràng giang", Huy Cận không chỉ mang đến bức tranh thiên nhiên rộng lớn, mênh mông mà qua đó tác giả còn nhấn mạnh sự cô đơn của "cái tôi" trước ngân hà rộng lớn. Sự đối lập này phần nào nói lên tình cảnh lẻ loi, sự trôi nổi của những kiếp người. Đồng thời tác giả bộc lộ nỗi niềm nhớ quê hương, tình cảm thiết tha với đất nước của mình.